

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 210/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà hàng.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hồ bơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Trước mắt: Rạch Vàm Xếp.
- Về lâu dài: Hệ thống thoát nước chung của Đô thị (sau khi hệ thống này xây dựng xong).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Trước mắt: Vị trí xả thải là Rạch Vàm Xếp (tại cống xả vào Rạch Vàm Xếp). Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1135738 Y=546433.

- Về lâu dài: Sau khi hệ thống thoát nước chung của Đô thị xây dựng xong thì dự án sẽ đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung của đô thị theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại, dịch vụ và du lịch Mỹ Thuận, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 700 m³/ngày.đêm (24 giờ) (theo công suất của hệ thống xử lý nước thải). Lưu lượng nước thải phát sinh tối đa tại dự án khoảng 425,3 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục khi có hoạt động.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào điểm đầu nối phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A), cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1$)
1	pH	-	6 – 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
3	COD	mg/l	67,5
4	BOD ₅	mg/l	27

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1$)
5	Sunfua	mg/l	0,18
6	Amoni	mg/l	4,5
7	Tổng Nitơ	mg/l	18
8	Tổng Phốt pho	mg/l	3,6
9	Clo dư	mg/l	0,9
10	Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải tại dự án bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà hàng, nước thải từ hồ bơi với tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 425,3 m³/ngày.đêm. Hệ thống công thu gom nước thải là công BTCT D200-D300 trên tuyến công có bố trí 148 hố ga để lắng cặn trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt của nhân viên và du khách (từ khách sạn, trung tâm hội nghị, nhà thương mại liền kề, biệt thự) được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc, sau đó được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án để xử lý.

+ Nước thải từ nhà hàng: Được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ, sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án.

+ Nước thải từ hồ bơi: Khi thay nước hồ bơi sẽ được dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án để xử lý.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1$) trước khi dẫn thoát ra rạch Vàm Xếp qua 1 điểm xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, có ngăn lọc.

- *Nước thải từ nhà hàng*: Được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ.

Tất cả các dòng nước thải phát sinh từ dự án sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất 700 m³/ngày.đêm (24 giờ) để xử lý.

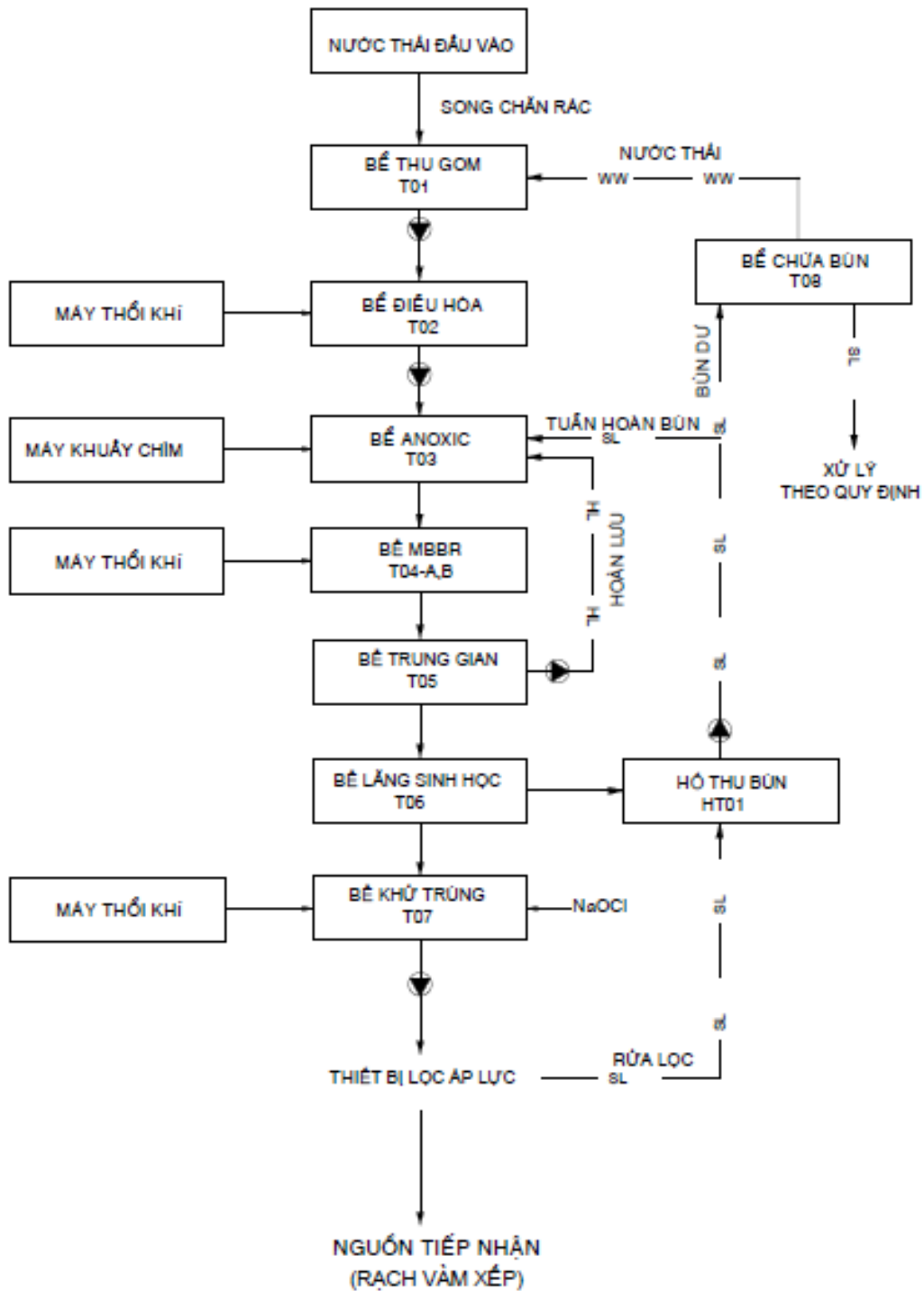
* **Hệ thống xử lý nước thải:**

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất: 700 m³/ngày.đêm (24 giờ).

- Công nghệ xử lý: Hóa - Sinh.

- Quy trình công nghệ xử lý:



Thuyết minh quy trình

Bể thu gom: Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo hệ thống thu gom tự chảy về bể thu gom. Bể thu gom giúp lưu giữ và phân phối nước đến giai đoạn tiếp theo. Tại bể thu gom bố trí 2 bơm chìm hoạt động luân phiên, khi có nước thải bơm hoạt động tự động theo phao bơm nước thải đến bể điều hòa. Tại đây, lắp đặt thiết bị tách rác thô nhằm tách các loại cặn có kích thước lớn, hạn chế gây tắc nghẽn bơm, đường ống công nghệ và giảm nồng độ ô nhiễm của nguồn nước. Rác, cặn lớn sẽ được nhân viên vận hành thu gom định kỳ.

Bể điều hòa: Bể điều hòa có tác dụng ổn định lưu lượng và nồng độ nước thải. Bể có hệ thống sục khí và 2 bơm hoạt động luân phiên. Trong bể điều hòa lắp đặt hệ

thông phân phối khí nhằm đảm bảo điều kiện đảo trộn, chống lắng cặn dưới đáy bể và cung cấp oxy nhằm ngăn chặn hiện tượng phân hủy kỵ khí gây mùi hôi thối. Nước thải tiếp đó sẽ được bơm sang bể Anoxic.

Bể Anoxic (bể thiếu khí): Nước thải từ bể điều hoà được bơm qua bể Anoxic. Lợi dụng vi sinh vật thiếu khí trong bể thiếu khí thực hiện phản ứng khử nitơ chuyển NO_2^- và NO_3^- thành khí N_2 thoát ra ngoài môi trường, nhằm loại bỏ hàm lượng amonia và tổng nitơ trong nước thải. Từ bể Trung gian dòng nitrat được cấp liên tục vào bể thiếu khí (hoàn lưu hỗn hợp bùn + nước thải) và bể thiếu khí được bổ sung thêm lượng vi sinh nhờ bùn hoàn lưu từ hồ thu bùn về. Tại đây, dưới sự kết hợp của vi khuẩn khử nitrat và hợp chất chứa cacbon sẽ chuyển hóa nitrat thành nitơ phân tử thoát ra khỏi dòng nước. Để nitrat hóa và phốt pho hóa thuận lợi tại bể Anoxic được bổ sung thêm hệ thống khuấy trộn (2 máy khuấy).

Bể MBBR: Nước thải sau khi qua bể Anoxic được đưa qua bể MBBR có thổi khí để xử lý các chất ô nhiễm trong nước thải bởi hệ vi sinh vật tùy nghi trong bể MBBR (Lưu lượng khí khoảng 2-2,5 $\text{m}^3/\text{m}^2/\text{h}$). Nguyên lý hoạt động bể MBBR: Hệ thống thổi khí với mục đích làm các giá thể được di chuyển liên tục. Các vi sinh sau khi bám trên giá thể sẽ hỗ trợ quá trình phân giải chất hữu cơ có trong nước thải. Từ đó giúp hệ thống xử lý nước thải hoạt động đúng tiêu chuẩn đề ra. Cụ thể như sau:

+ Bể MBBR sẽ sử dụng giá thể vi sinh di động MBBR trong bể sục khí để tăng lượng vi sinh vật có sẵn để xử lý nước thải. Các vi sinh vật sẽ phân hủy hết các chất hữu cơ có trong nước thải. Tiếp đó, hệ thống thổi khí sẽ giúp khuấy trộn các giá thể trong bể nhằm đảm bảo các giá thể vi sinh được xáo trộn liên tục trong quá trình xử lý nước thải.

+ Vi sinh vật phát triển sẽ bám vào bề mặt giá thể. Nhằm hỗ trợ quá trình phân giải các chất hữu cơ trong nước thải và giúp nước thải đạt chuẩn. Những vi sinh vật bám trên giá thể có thể là các loại vi sinh: Vi sinh hiếu khí nằm trên bề mặt giá thể, vi sinh thiếu khí, vi sinh yếm khí.

Nước thải sau khi được xử lý bởi bể MBBR sẽ tự chảy qua bể trung gian.

Bể trung gian: bể có chức năng chứa nước thải sau bể MBBR để phân phối qua bể lắng sinh học và một phần nước thải từ bể trung gian sẽ được hoàn lưu về bể Anoxic.

Bể lắng sinh học: Nước thải bể trung gian sẽ tự chảy qua bể lắng sinh học để tách bùn; Bùn sau lắng tại bể này được đưa sang hồ thu bùn, một phần bùn từ hồ thu bùn sẽ tuần hoàn về bể Anoxic, phần bùn dư sẽ được bơm về bể chứa bùn để ổn định bùn. Định kỳ chủ dự án sẽ hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Bể khử trùng: Nước thải sau bể lắng sinh học sẽ chảy tràn qua bể khử trùng. Tại bể khử trùng sử dụng dung dịch Javen để tiêu diệt các vi khuẩn có hại và vi khuẩn gây bệnh có trong nước thải. Tại bể khử trùng có sục khí nhằm tăng khả năng tiếp xúc giữa hóa chất với nước thải từ đó tăng hiệu quả khử trùng của bể.

Thiết bị lọc áp lực: Nước thải sau bể khử trùng sẽ được bơm lọc bơm qua thiết bị lọc áp lực để loại bỏ chất rắn lơ lửng còn lại. Nước thải sau lọc sẽ được dẫn thoát ra nguồn tiếp nhận là rạch Vàm Xếp qua 1 điểm xả thải. Thiết bị lọc áp lực định kỳ rửa lọc 1 tháng/lần, sử dụng van 3 cửa được lắp đặt trên thiết bị để thực hiện rửa lọc. Khi

rửa lọc thực hiện mở van sang chế độ Back wash (chế độ rửa ngược) để quá trình rửa lọc xảy ra cho đến khi nước trong, chuyển van về chế độ fast rinse (rửa nhanh) trong 4 phút, lập đi lập lại quá trình này 2 lần. Sau đó điều chỉnh van về chế độ filter (lọc) để tiếp tục sử dụng bình thường. Lượng nước rửa lọc sẽ được dẫn về hố chứa bùn sau đó sẽ được bơm về bể chứa bùn để lắng bùn.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. (Trước mắt: xả thải vào Rạch Vàm Xếp. Về lâu dài: Sau khi hệ thống thoát nước chung của Đô thị xây dựng xong thì dự án sẽ đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung của đô thị theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại, dịch vụ và du lịch Mỹ Thuận, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long).

Bể chứa bùn: Nước rửa lọc, lượng bùn dư từ hố chứa bùn được bơm về bể chứa bùn để ổn định bùn. Định kỳ chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định. Nước tách bùn từ bể chứa bùn sẽ được dẫn về bể thu gom.

- Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải chủ yếu là Javen để khử trùng nước thải với liều lượng sử dụng khoảng $3g/m^3$ nước thải.

- Lượng điện tiêu hao cho hệ thống xử lý nước thải khoảng 50 kWh/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên vệ sinh song chắn rác, hạn chế tắc nghẽn.

- Trang bị dự phòng máy thổi khí, máy bơm để thay thế khi máy thổi khí, máy bơm có sự cố không hoạt động.

- Trang bị 2 máy thổi khí hoạt động luân phiên, các bể có sử dụng bơm cũng sẽ được lắp đặt 2 bơm hoạt động luân phiên.

- Thường xuyên kiểm tra mật độ bùn trong bể anoxic và bể MBBR.

- Định kỳ thu gom bùn dư từ các bể lắng về hố chứa bùn và đưa về bể chứa bùn, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý bùn theo quy định.

- Theo dõi, thường xuyên việc châm hóa chất tại bể khử trùng.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy các thiết bị bơm, phao điện, thổi khí và kiểm tra đường ống.

- Lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

STT	Tên công trình xử lý ô nhiễm	Thời gian vận hành thử nghiệm	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Công trình xử lý nước thải	01/2026	6/2026

2.2.2. Vị trí lấy mẫu:

- Tần suất giám sát: 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

- Vị trí và thông số giám sát nước thải được trình bày chi tiết như sau:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số giám sát
1	Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, tại hố ga trước khi thải ra rạch Vàm Xếp. Tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3^0): X=1135752 Y=546424.	pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Clo dư, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

* Quan trắc nước thải

- Vị trí quan trắc: Tại hố ga sau xử lý trước khi đầu nối vào rạch Vàm Xếp. Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3^0): X=1135752 Y=546424.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Clo dư, Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 210/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

Từ hoạt động của các phương tiện giao thông (tại bãi đỗ xe).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Từ hoạt động của các phương tiện giao thông (tại bãi đỗ xe). Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1136115; Y=546367

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn, dBA QCVN 26:2010/BTNMT (khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Tiếng ồn phát sinh sinh chủ yếu từ các dòng xe ra vào trường vào các giờ cao điểm gây ra.

- Hạn chế tình trạng xe ra vào trường vào giờ cao điểm và tập trung trong cùng 1 thời điểm.

- Phân luồng giao thông bằng các công phụ để giảm lưu lượng xe ra vào dự án.

- Mật độ xe tập trung đông vào những giờ hành chính, do đó, chủ dự án sẽ bố trí nhân viên hướng dẫn hướng lưu thông cũng như vị trí bãi giữ xe.

- Trồng cây xanh khu vực dự án.

- Chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 210/GPMT-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	30	08 02 04
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng đèn led hư hỏng)	Rắn	20	16 01 13
3	Bao bì mềm thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	3	18 01 01
4	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt từ quá trình bảo trì máy móc trạm xử lý nước thải)	Rắn	10	18 02 01
5	Chất thải lây nhiễm (bông, băng,...)	Rắn	5	13 01 01
5	Pin thải	Rắn	30	16 01 12
Tổng cộng		-	98	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

Lượng chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu là bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bùn cống thoát nước mưa, cống thu gom nước thải với khối lượng khoảng 90 kg/ngày tương đương khoảng 32,85 tấn/năm.

Định kỳ chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không lưu chứa tại dự án.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2.550 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, số lượng 7 thùng, thể tích 120 lít/thùng.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Bê tông cốt thép, mái lợp tole, vi kèo thép, nền bê tông, có cửa kín.
- Có dán nhãn, biển báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

* **Rác thải sinh hoạt:** Khu vực chứa rác sinh hoạt được bố trí chung với khu vực chứa chất thải rắn thông thường.

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, bố trí 50 thùng thể tích 120 lít/thùng.
- Khu vực lưu chứa: Chủ dự án bố trí thùng rác dọc theo tuyến đường nội bộ của dự án.

2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- **Chất thải rắn thông thường:** Theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- **Chất thải nguy hại:** Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH và quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Đối với các thiết bị, máy móc có sử dụng điện sẽ có quy trình bảo dưỡng, định kỳ kiểm tra theo đúng yêu cầu kỹ thuật của từng loại thiết bị, máy móc để tránh xảy ra sự cố cháy nổ.

- Đối với hệ thống dây điện sẽ được thay thế đúng thời gian tuổi thọ theo sự khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Trang bị, kiểm tra định kỳ các thiết bị PCCC như bình CO₂, bơm nước PCCC,... và luôn đảm bảo các thiết bị sẵn sàng hoạt động khi có sự cố xảy ra. Đặt bảng nội quy PCCC ở những nơi dễ nhìn như cầu thang,... cho nhân viên, dễ theo dõi, áp dụng khi cần.

- Trang bị hệ thống báo cháy tự động (đầu báo khói, báo cháy,...) cho dự án.

- Thiết kế và xây dựng hệ thống cấp nước dự phòng đảm bảo đủ nước cho PCCC và luôn ở tình trạng sẵn sàng hoạt động khi có sự cố xảy ra theo QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy như: Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Giảm thiểu tác động xói lở bờ sông, cầu bến khách

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng bờ kè, tường chắn xung quanh bến thủy, để phát hiện xử lý kịp thời khi có dấu hiệu sạt lở.

- Quy định các tàu thuyền khi cập bến phải giảm tốc độ và có trang bị lớp đệm cao su tại mũi tàu và mạn tàu nhằm tránh sự va chạm mạnh khi cập bến.

3. Phòng chống sự cố chìm tàu gây rò rỉ dầu trên sông

- Lắp đặt bảng chỉ dẫn giao thông thủy trong khu vực neo đậu của các tàu khách nhằm cảnh báo các phương tiện giao thông khi đi qua khu vực này.

- Các tàu thuyền vận chuyển khách luôn đảm bảo chất lượng lưu hành.

- Nhân viên vận hành tàu phải có chứng nhận đủ sức khỏe của cơ quan y tế, có chứng chỉ lái phương tiện thủy. Tuyệt đối tuân thủ quy tắc an toàn khi vận hành tàu.

- Phương tiện thủy neo đậu tại bến khách đều có lắp đặt đèn tín hiệu vào ban đêm.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu và thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt.